

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 305/2023/DS-PT.

Ngày: 24-08-2023

V/v: *Tranh chấp QSD đất, hủy giấy
chứng nhận QSD đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Tấn Quốc

2. Ông Đặng Văn Nhữn

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 08 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 223/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc *“Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 05 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 218/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Khu I, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà S: Chị Nguyễn Thị Bích C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu I, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền ngày 27/01/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Hoàng L - Văn phòng Luật sư Nguyễn Hoàng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L.

Bị đơn:

1. Bà Phan Thị N, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà N: ông Hà Văn H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: số 1 đường N, Khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.(Văn bản ủy quyền ngày 07/12/2021).

2. Anh Nguyễn Trọng N1, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N1: ông Hà Văn H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: số 1 đường N, Khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. (Văn bản ủy quyền ngày 12/4/2023).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Văn Công U' (chết năm 2008).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Văn Công U':

1.1. Anh Văn Ngọc S1, sinh năm 1978.

1.2. Chị Văn Thị Kim C1, sinh năm 1971.

1.3. Chị Văn Thị Bích V, sinh năm 1973.

1.4. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1948.

Cùng địa chỉ: Khu I, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

1.5. Chị Văn Thị Ngọc L1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Đường P, khu phố H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

3. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Địa chỉ trụ sở: số B quốc lộ A, khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện ngày 26/4/2021, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/10/2021, ngày 20/10/2021 và ngày 16/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích C trình bày:

Bà Nguyễn Thị S, ông Văn Công U' là vợ chồng, ông U' chết năm 2008. Vợ chồng chung sống có tất cả 04 người con gồm: Văn Ngọc S1, Văn Thị Kim C1, Văn Thị Bích V, Văn Thị Ngọc L1. Ngoài ra, bà S, ông U' không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Vào năm 1996 - 1997, bà Nguyễn Thị S có mua của bà Văn Thị D, diện tích đất là 90m² (ngang 2m x dài 45m) thuộc 01 phần thửa đất số 1734, tờ bản đồ số 2, loại đất LUC, đất tọa lạc tại khu I, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An, để làm đường đi và đặt đường ống nước dẫn vào nhà bà S sinh hoạt tại thửa đất số 96 và 53, cùng tờ bản đồ số 13, đất tại xã L, huyện B. Nhưng khi đó, hai bên thỏa thuận là ông U' (chồng bà S) có làm giấy tay “*Hợp đồng nhuần quyền hữu chủ đất*”, không đề ngày tháng năm với ông Văn Công D1 (anh ruột bà D) - “*người nhuần*”, Văn Công U' - “*người được nhuần*”, giá chuyển nhượng là 1,8 chỉ vàng

9999, có cha ruột bà N là cụ Phan Văn G là “*người chứng*”. Khi bà S mua diện tích này từ bà D, thì chị có nghe bà S nói lại là có đo thực tế là từ mí bờ ranh nhà bà Văn Thị D và phần đất của cụ Trần Hoàng D2 trở ra ruộng của bà D là ngang 2m, dài 45m. Sau đó, bà S sử dụng diện tích ngang 0,5m chạy dài hết thửa đất để đặt ống nước có đường kính Ø 34, đường nước này gia đình bà S đã sử dụng gần 30 năm. Phần diện tích còn lại là 1,5m, thì bà S có đắp thêm 01 cái bờ tiếp giáp đất của cụ D2 cho người dân trong khu vực đi lại cho thuận lợi, nguyên đơn cũng không có bất kỳ chứng cứ nào liên quan đến diện tích đất ngang 02m, dài 45m hay diện tích ngang 05m để đặt đường nước hoặc diện tích ngang 1,5m để đắp bờ đi cung cấp cho Tòa án được. Đồng thời, bà S cũng không có làm thủ tục kê khai đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đối với phần diện tích đất đã mua nêu trên. Bởi vì, mục đích bà S mua diện tích đất 90m² là để lắp đặt đường ống nước đường kính Ø34 và làm bờ đi cho nhiều hộ dân đi chung cho thông thoáng. Khoảng tháng 4/2020, do nhà bị ngập nước nên gia đình bà S có làm hố ga và ống nước tại đường thoát nước mà trước đây đã lắp đặt tại vị trí 0,5m, thì bên gia đình bà Phan Thị N có hành vi ngăn cản cho rằng phần diện tích này thuộc quyền sử dụng của bà N. Do đó, bà S đã gửi Đơn khiếu nại bà N ra Ủy ban nhân dân xã L nhờ xem xét giải quyết. Qua nhiều lần hòa giải và xét thấy bà con hàng xóm với nhau nên bà S chấp nhận diện tích đất trên thuộc quyền sử dụng của bà N, chỉ giữ nguyên hiện trạng ống nước bên dưới để gia đình sử dụng. Tuy nhiên, bà N yêu cầu gia đình bà S chỉ giữ ống nước đường kính Ø34 đặt bên dưới lòng đất mà không cho bà S được sửa chữa trên mặt đất để gia đình bà S lắp đặt hố gas để xử lý rác thải để tránh tắc nghẽn ống thoát nước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích C yêu cầu như sau:

- Yêu cầu bà Phan Thị N phá dỡ bức tường và trả lại cho bà Nguyễn Thị S, anh Văn Ngọc S1, chị Văn Thị Kim C1, chị Văn Thị Bích V, chị Văn Thị Ngọc L1 phần đất lấn chiếm được thể hiện tại vị trí khu (F) có diện tích đo đạc thực tế là 4.2m², loại đất GDC, thuộc một phần thửa đất 520; và vị trí khu (H), có diện tích đo đạc thực tế là 2m², loại đất ONT, thuộc một phần thửa đất 521, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo phân khu thể hiện các công trình trên đất của Công ty TNHH Đ ngày 18/4/2023.

- Yêu cầu anh Nguyễn Trọng N1 phá dỡ bức tường và trả lại cho bà Nguyễn Thị S, anh Văn Ngọc S1, chị Văn Thị Kim C1, chị Văn Thị Bích V, chị Văn Thị Ngọc L1 phần đất lấn chiếm được thể hiện tại vị trí khu (D), có diện tích đo đạc thực tế là 10.6m², loại đất ONT, thuộc một phần thửa đất số 519, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo phân khu thể hiện các công trình trên đất của Công ty TNHH Đ ngày 18/4/2023.

- Yêu cầu hủy 01 phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 887124 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Phan Thị N ngày 07/12/2020 thuộc 01 phần thửa đất số 51, tờ bản đồ số 13 (thửa mới số 521, tờ bản đồ số 13). Căn cứ đề yêu cầu Tòa án giải quyết là theo giấy tay “*Hợp đồng nhuòn quyền hữu chủ đất*”, không đề ngày tháng năm với ông Văn Công D1 (anh ruột bà D) - “*người nhuòn*”, Văn Công U’ - “*người được nhuòn*” và lời khai của bà Văn Thị D, ông Văn Công D1 đã cung cấp cho Tòa án. Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử tạm đình chỉ vụ án này để chờ kết quả bà Nguyễn Thị S sẽ làm đơn khiếu nại hành chính đối với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B liên quan đến lỗi đi công cộng. Ngoài ra, nguyên đơn không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Hà Văn H, trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm trình bày như sau:

Bà Phạm Thị N2 là người sử dụng đất hợp pháp tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.000 m², loại đất chuyên trồng lúa nước. Nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng của bà Hà Thị Kim P theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 26/4/2018, đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 23/5/2018.

Ngày 23/9/2020, bà Phan Thị N đã làm thủ tục chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước (LUC) của thửa đất số 51, tờ bản đồ số 13, thành đất ONT và tách thành 05 thửa đất và cho các con ruột của bà N gồm: Nguyễn Trọng N1, Nguyễn Phương N3. Hiện tại bà Phan Thị N đang sử dụng 03 thửa. Khi tiến hành đo để tách thửa diện tích tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 13, bị giảm diện tích so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn là 907,8 m² (giảm 92,2 m²). Bà Phan Thị N đã làm thủ tục điều chỉnh diện tích đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B chỉnh lý ngày 13/8/2020. Lý do giảm: Nhà nước và nhân dân thực hiện mở rộng đường giao thông nông thôn (đường bê tông hiện hữu như hiện trạng ngày nay) mà bà Nguyễn Thị S đang tranh chấp với bà N.

Trước khi làm thủ tục điều chỉnh diện tích giảm, phân bản vẽ và biên bản xác định ranh giới mốc giới bà N đã trực tiếp đến cho bà Nguyễn Thị S để ký ranh, thì bà S đã đồng ý ký tên. Hiện nay, bà Nguyễn Thị S không có đất sử dụng liền kề với bà N nhưng đã làm Đơn khiếu nại cho rằng bà N lấn chiếm đất của bà S với diện tích ngang 0,5 m, dài khoảng 45m. Đồng thời, bà cho rằng trước đây bà có mua làm giấy tay của bà Văn Thị D, em ruột của ông Văn Công D1 nhưng chủ sử dụng đất hợp pháp là bà Văn Thị D, giấy tay “*Hợp đồng nhuòn quyền sở hữu đất*” có diện tích là 900 m² (giấy tay mua bán không có thể hiện tứ cận cũng như không có ngày tháng năm) nhưng trong đơn của bà S cũng như các lần hòa

giải tại Ủy ban nhân dân xã L, thì bà S cho rằng bà mua ngang 2m dài khoảng 45m để làm đường đi và đặt ống dẫn nước bằng nhựa dẫn vào nhà của bà S.

Thời điểm cuối năm 2020, thì bà Nguyễn Thị S có làm Đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã L về việc cho rằng bà N lấn chiếm đất. Sự việc đã được hòa giải nhiều lần, thời gian gần nhất là ngày 29/12/2020 nhưng kết quả không thành, UBND xã hướng dẫn bà S làm đơn khởi kiện tại TAND huyện Bến Lức để giải quyết. Ngày 12/4/2021, bà N đã xây dựng bức tường để xác định ranh đất của mình. Ngày 22/4/2021, bà N đã làm “Tờ cam kết” với nội dung “...vào ngày 15.7.2020 giữa tôi bà Phan Thị N có bị bà Nguyễn Thị S khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bến Lức về tranh chấp ranh đất do bên bà S đã tự rút đơn tại Tòa án và tôi hiện tại đang xây dựng hàng rào thì phía bà S ngăn cản và tôi có hỏi Tòa án hiện không còn tranh chấp nên được xây. Nếu sau này xử buộc tôi tháo gỡ tôi cam kết trình bày của tôi đúng sự thật...”. Theo Công văn số 299/CV-TA ngày 12/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã xác nhận từ ngày 05/4/2021 đến ngày 07/4/2021, thì bà Nguyễn Thị S không có nộp Đơn khởi kiện tranh chấp với bà Phan Thị N tại Tòa án nhân dân huyện Bến Lức. Việc bà S cho rằng ranh đất của bà thể hiện bằng đường ống nước dẫn từ lộ ấp C vào nhà nhưng thực tế thời điểm ông U còn sống có xin đặt nhờ dưới ruộng các chủ trước là: Cụ Trần Hoàng D2, sau này là bà Hà Thị Kim P đã chuyển nhượng đất cho bà N (người trực tiếp đầu đặt ống nước là ông U và ông U có nhờ ông Nguyễn Văn T (chồng bà N, ông C2 cùng làm phụ đường nước này).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Trọng N1 là ông Hà Văn H trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm trình bày như sau:

Anh Nguyễn Trọng N1 là con ruột của bà Phan Thị N, là người sử dụng đất tại thửa đất số 519, tờ bản đồ số 13, diện tích 145,6 m² (tách từ thửa đất số 51, tờ bản đồ số 13), loại đất ONT, được UBND huyện B cấp ngày 07/12/2020. Nguồn gốc đất được cha mẹ tặng cho theo Hợp đồng tặng cho QSDĐ ngày 23/9/2020. Khi được tặng cho QSDĐ là đất LUC, anh N1 đã làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng sang đất ONT.

Bà Nguyễn Thị S cho rằng trước đây bà có mua đất theo giấy tay với ông Văn Công D1, nhưng chủ sử dụng đất là bà Văn Thị D, giấy tay “Hợp đồng nhượng quyền sở hữu đất” có diện tích là 900 m² (giấy tay mua bán không có thể hiện tứ cận cũng như không có ngày tháng năm) giấy có cạo sửa lại thành 90m². Được biết, phần đất mà bà S đang khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2016, bà Nguyễn Thị S có làm Giấy tay mua bán cho bà Dương Thị H1 diện tích đất là 90 m² (ngang 02 m dài 45 m) để làm đường đi công cộng. Phần đất này hiện nay đã đổ bê tông như hiện trạng mà Tòa án đã lập Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ

ngày 15/3/2023. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày, thì bị đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu. Bởi các lý do:

- Không thống nhất việc nguyên đơn đã mua phần đất tranh chấp thuộc một phần các thửa đất số 519, 520, 521 của bà Văn Thị D, theo giấy tay “Hợp đồng nhường quyền sở hữu đất” chỉ thể hiện “*người nhường*”, Văn Công U’.

- Trường hợp, nguyên đơn có khởi kiện, thì phải khởi kiện những chủ sử dụng đất trước khi bà N nhận chuyển nhượng thửa đất số 51, tờ bản đồ số 13 từ bà P.

- Sau khi bà N nhận chuyển nhượng thửa đất số 51, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.000m², loại đất LUC từ bà P, thì bà N đã chuyển mục đích thành đất ONT và có điều chỉnh thửa đất theo tỷ lệ bản đồ mới nên diện tích đã bị giảm 92.2m² (theo bị đơn diện tích này để chứa làm đường công cộng). Ngoài ra, bị đơn không có yêu cầu phản tố trong vụ án và thống nhất xác định vị trí tại khu (K) theo Mảnh trích đo thể hiện là lối đi công cộng, không có khiếu nại gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn không có yêu cầu phản tố về việc buộc nguyên đơn phải tháo dỡ và di dời đường nước có đường kính Ø 34 đã đặt âm xuống lòng đất hơn 01m. Đồng thời, theo tỉ lệ bản đồ mới hiện tại chỉ giới xây dựng thửa đất của bà N cách đường công cộng là 1,2m nên sau này bà N xây dựng cũng phải đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai. Hiện tại, 01 phần bức tường bà N xây dựng có lấn chiếm lối đi công cộng, thì bà N sẽ tự giải quyết khi Ủy ban nhân dân xã L có yêu cầu. Ngoài ra, các bị đơn không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông là chồng của bà Phan Thị N, thống nhất với lời trình bày của người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà N và không có ý kiến bổ sung gì thêm.

2. Ủy ban nhân dân huyện B có Công văn số 4488/UBND-TNMT ngày 25/4/2022: Việc bà Phan Thị N được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B cập nhật chỉnh lý biến động sang tên ngày 04/01/2021 do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Phan Thị N4 tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 13, diện tích 193,4m², loại đất ONT, tọa lạc tại xã L do UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Phan Thị N4 ngày 07/12/2020 được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện theo Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án và yêu cầu được vắng mặt suốt trong quá trình Tòa án các cấp giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 05/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã tuyên:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 165, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 14 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 99, 166, 170, 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S về việc buộc bị đơn Phan Thị N phá dỡ bức tường và trả lại cho bà Nguyễn Thị S, anh Văn Ngọc S1, chị Văn Thị Kim C1, chị Văn Thị Bích V, chị Văn Thị Ngọc L1 phần đất lấn chiếm được thể hiện tại vị trí Khu (F), có diện tích đo đạc thực tế là 4.2m², loại đất GDC, thuộc một phần thửa đất 520, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An do chị Đặng Thị Hồng T1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện B cấp ngày 07/12/2020 và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B chỉnh lý biến động sang tên bà Phan Thị N ngày 04/01/2021.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S về việc buộc bị đơn Phan Thị N phá dỡ bức tường và trả lại cho bà Nguyễn Thị S, anh Văn Ngọc S1, chị Văn Thị Kim C1, chị Văn Thị Bích V, chị Văn Thị Ngọc L1 phần đất lấn chiếm được thể hiện tại vị trí và vị trí Khu (H), có diện tích đo đạc thực tế là 02m², loại đất ONT, thuộc một phần thửa đất 521, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An do anh Đặng Phước T2 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện B cấp ngày 07/12/2020 và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B chỉnh lý biến động sang tên bà Phan Thị N ngày 18/02/2021.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S về việc buộc anh Nguyễn Trọng N1 phá dỡ bức tường và trả lại cho bà Nguyễn Thị S, anh Văn Ngọc S1, chị Văn Thị Kim C1, chị Văn Thị Bích V, chị Văn Thị Ngọc L1 phần đất lấn chiếm được thể hiện tại vị trí Khu (D), có diện tích đo đạc thực tế là 10.6m², loại đất ONT, thuộc một phần thửa đất 519, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An do anh Nguyễn Trọng N1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện B cấp ngày 07/12/2020.

(Tất cả vị trí tứ cận diện tích nêu trên theo Mảnh trích đo địa chính số 205-2022 do Công ty TNHH Đ1 vẽ ngày 21/7/2022, được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B duyệt ngày 28/7/2022; Bản vẽ dính chính tên chủ sử dụng đất, công trình kiến trúc dựa trên nền bản vẽ gốc ngày 18/4/2023 dính kèm theo Bản án dân sự sơ thẩm).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị S về việc hủy 01 phần Giấy chứng nhận QSD số CN 887124 do UBND huyện B cấp cho bà Phan Thị N ngày 07/12/2020 thuộc 01 phần thửa đất số 51, tờ bản đồ số 13 (thửa mới số 521, tờ bản đồ số 13).

Về chi phí đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ tổng cộng là 18.100.000 đồng nguyên đơn phải chịu đã nộp xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S thuộc trường hợp miễn án phí nên không phải chịu án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho anh Văn Ngọc S1 số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009484, chị Văn Thị Kim C1 số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009485, chị Văn Thị Ngọc L1 số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009486 chị Văn Thị Bích V, số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009487 cùng ngày 16/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi án sơ thẩm đã xử.

Ngày 15/6/2023 nguyên đơn bà Nguyễn Thị S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa phúc thẩm xét xử sửa toàn bộ bản án sơ thẩm là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, xác định không cung cấp thêm chứng cứ mới.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Bích C trình bày: Không thay đổi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu: Đối với diện tích đất tranh chấp này gia đình bà S quản lý sử dụng từ năm 1997 đến năm 2021, diện tích đất này do bà S nhận chuyển nhượng của ông D1 có diện tích ngang 2m, dài 45m vào năm 1996 đã sử dụng làm đường nước ngang 0,5m, làm đường công cộng ngang 1,5m. Trước đó bà N có đến hỏi bà D, ông D1 mua thêm ngang 0,5m giáp ranh với đất làm đường đi này. Hiện trạng đất chiều ngang hiện tại là 3,5m. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S.

Bị đơn bà Phan Thị N và ông Nguyễn Trọng N1 có người đại diện theo ủy quyền là ông Hà Văn H trình bày: Không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S. Đề nghị, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tranh luận tại tòa. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S không có cơ sở để xem xét. Đề nghị, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị S được làm đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án và giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Ủy ban nhân dân huyện B, ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị S đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1]. Về nguồn gốc đất tranh chấp: Các đương sự đều xác định nguồn gốc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 13 (thửa cũ 1686, 1687, tờ bản đồ số 2), diện tích 4.788m², đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An là của cụ Trần Hoàng D2 chuyển nhượng cho ông Phạm Công T3 theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 03/6/2002 được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/7/2002 (nhưng được cấp đổi ngày 26/8/2011 thành thửa đất số 51, tờ bản đồ số 13, diện tích là 4.630,5m²). Ngày 07/10/2011, ông T3 đã chuyển nhượng cho bà Võ Thị Hoàng N5 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B chỉnh lý biên động ngày 18/10/2011, bà N5 đã tách thành thửa đất số 384, 385 và phần còn lại thửa số 51, tờ bản đồ số 13, diện tích là 1.000m² được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/11/2011. Ngày 12/12/2011, bà N5 chuyển nhượng thửa đất này cho bà Hà Thị Kim P. Ngày

26/4/2018, bà P đã chuyển nhượng cho bà Phan Thị N. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, thì bà N tách thành 05 thửa đất gồm: thửa đất số 518, 519, 520, 521 và phần còn lại thửa đất số 51, cùng tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã L, huyện B. Liên kế các thửa đất số 1686, 1687 là thửa đất số 1734, tờ bản đồ số 2 được UBND huyện B cấp cho bà Văn Thị D ngày 23/7/1997.

[2.2]. Căn cứ Công văn số 416/CV-UBND ngày 23/5/2022 của UBND xã L, huyện B xác nhận: Ngày 22/4/2021 do nhận được thông tin của anh Văn Ngọc S1, địa chỉ ấp C, xã L về việc bà Phan Thị N xây dựng hàng rào UBND xã có cử cán bộ địa chính đến kiểm tra và ghi nhận biên bản. Việc bà Phan Thị N xây dựng hàng rào thuộc một phần thửa đất số 519 do anh Nguyễn Trọng N1 đứng tên quyền sử dụng đất, thửa đất số 520 do chị Đặng Thị Hồng T1 đứng tên quyền sử dụng đất, thửa đất số 521 do anh Đặng Phước T2 đứng tên quyền sử dụng đất. Việc bà Phan Thị N xây dựng hàng rào ngày 22/4/2021, thì bà Nguyễn Thị S không có khiếu nại phù hợp với Công văn số 299/CV-TA ngày 12/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xác nhận “...từ ngày 05/4/2021 đến ngày 07/4/2021, thì bà Nguyễn Thị S không có nộp Đơn khởi kiện tranh chấp với bà Phan Thị N tại Tòa án nhân dân huyện Bến Lức...” nên đến ngày 12/4/2021, bà N mới xây dựng hàng rào như hiện nay. Đồng thời, theo Công văn số 4488/UBND-TNMT ngày 25/4/2022 đã xác nhận “...Việc bà Phan Thị N được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B cập nhật chỉnh lý biến động sang tên ngày 04/01/2021 do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Phan Thị N4 tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 13, diện tích 193,4m², loại đất ONT, tọa lạc tại xã L do UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Phan Thị N4 ngày 07/12/2020 được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật...”. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, thì nguyên đơn cho rằng vào năm 1996 - 1997, bà Nguyễn Thị S có mua của bà Văn Thị D, diện tích đất là 90m² (ngang 2m x dài 45m), thuộc 01 phần thửa đất số 1734, để làm đường đi và đặt đường ống nước dẫn vào nhà bà S sinh hoạt tại các thửa đất số 96, 53, cùng tờ bản đồ số 13, xã L, huyện B, tỉnh Long An. Nhưng khi hai bên thỏa thuận là ông U có làm giấy tay nội dung thể hiện “*Hợp đồng nhườn quyền hữu chủ đất*”, giấy tay không ngày tháng năm với ông Văn Công D1 (anh ruột bà D) - “*người nhườn*”, Văn Công U - “*người được nhườn*”, giá chuyển nhượng là 1,8 chỉ vàng 9999, có cha ruột bà N là cụ Phan Văn G là “*người chứng*”. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng có nghe bà S nói khi mua diện tích đất này có đo đạc thực tế nhưng không cung cấp được Mảnh trích đo thể hiện diện tích đất ngang 02m, dài 45m hay trích đo liên quan đến việc bà S có chừa ra 0,5m đặt đường ống nước và 1,5m làm đường đi.

[2.3] Căn cứ vào Biên bản lấy lời khai của ông Văn C3 D1 khai “...do bà Văn Thị D em ruột của tôi có đứng tên phần đất không nhớ rõ thửa đất nên tôi có đứng ra bán cho ông Văn C3 Ứng một bờ đi và 01 đường nước theo giấy tay hợp đồng nhượng quyền hữu chủ đất không đề ngày tháng năm nhưng khoảng năm 1996 -1997 diện tích ngang 02m, dài 45m giá là 1,8 chỉ vàng 9999, tiếp giáp bờ đi mà tôi bán cho ông U là thửa đất của ông Trần Hoàng D2 mà bà S đã đặt đường nước cách nay khoảng mấy chục năm mà hiện nay bà S và một số hộ dân phía trong sử dụng. Vào ngày 20/3/2016, tôi có bán cho bà H1 theo giấy nhận cọc mua bán nhà đất diện tích ngang 2m, dài 43m, giá là 43.000.000 đồng, tôi bán giấy tay không có đo đạc thực tế và bà H1 làm đường bê tông”. Theo Giấy xác nhận ngày 31/12/2020, thì bà Văn Thị D cũng xác nhận ông Văn Công D1 đã đứng ra bán cho ông Văn Công U diện tích ngang 02m, dài 45m khi bà D chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.4]. Theo bản tự khai ngày 14/4/2023 của bà Dương Thị H1 trình bày: Ngày 20/3/2016, bà có nhận chuyển nhượng của ông Văn C3 D1 phần đất có diện tích 86m² (ngang 2m x dài 43m) tại xã L, huyện B, tỉnh Long An với số tiền là 43.000.000 đồng. Hai bên có lập giấy nhận cọc mua bán nhà đất ngày 20/3/2016, bà đã giao đủ 43.000.000 đồng cho ông D1 cùng ngày. Mục đích mua phần đất này để làm đường đi công cộng (có hiện trạng như hiện nay). Cùng ngày 20/3/2016, bà có nhận chuyển nhượng phần đất có diện tích 90m² (ngang 2m x dài 45m) của bà Nguyễn Thị S (bà 7 Ứng), hai bên có lập giấy nhận cọc mua bán nhà đất cùng ngày nhưng thỏa thuận không lấy tiền, vì mục đích là để làm đường công cộng để đi vào nhà bà S cho thông thoáng. Nay bà S khởi kiện yêu cầu bà N phá dỡ bức tường và trả lại cho bà Nguyễn Thị S, anh Văn Ngọc S1, chị Văn Thị Kim C1, chị Văn Thị Bích V, chị Văn Thị Ngọc L1 phần đất lấn chiếm có diện tích ngang 0.5m, dài 23.64m thuộc một phần thửa đất số 51, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An, thì bà thấy không hợp lý.

[2.5] Theo bản tự khai ngày 13/4/2023 của ông Trần Văn T4 trình bày: Ông là con ruột của cụ Trần Hoàng D2, là chủ sử dụng của thửa đất số 51, trước đây không nhớ rõ thửa đất cụ D2 đã chuyển nhượng cho người khác cũng không biết. Sau này ông biết là bà Hà Thị Kim P chuyển nhượng lại cho bà N. Về đường nước, thì bà S đặt cách đây mấy chục năm khi đó bà S xin gia đình ông đặt chứ không có bán đất, bà S mua đất của ông D1. Về con đường công cộng hiện nay có bề ngang khoảng 03m nhưng trước đây là bờ ranh ruộng giữa gia đình ông và ông D1. Sau đó, ông D1 bán đất cho bà S nên bà S đắp thành bờ đi khoảng 02m, sau này bà H1 mua của ông D1 khoảng 01m. Đồng thời, khi bà N mua đất của bà P cũng có chừa ra 01 phần đất để làm đường đi công cộng như hiện nay. Do đó, ông khẳng định bà S không còn phần đất nào tiếp giáp với lối đi

cộng cộng, bà N xây dựng tường rào cũng không ảnh hưởng gì đến đường nước mà gia đình bà S đang sử dụng...

[2.6] Như vậy, theo giấy tay chuyển nhượng nêu trên và lời trình bày của những người làm chứng đều thể hiện giữa ông D1 và ông U thỏa thuận chuyển nhượng phần diện tích đất nêu trên không đo thực tế và sau này giữa ông D1, bà S với bà H1 cũng thỏa thuận trên giấy tay không có đo thực tế diện tích mà các bên giao dịch liên quan đến phần đường đi (hiện nay là lối đi công cộng theo tỉ lệ bản đồ mới). Đồng thời, người đại diện của bà S cũng thừa nhận bà S cũng không làm thủ tục kê khai hay đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích mà ông U đã mua của ông D1. Trong khi đó, theo xác nhận của UBND xã L, đường đi công cộng hiện nay có chiều ngang 03 m được hình thành từ năm 2016. Theo Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 51 thì sơ đồ thửa đất thể hiện “đường bờ đê > 3m đá xanh” và hiện nay nguyên đơn vẫn đang sử dụng lối đi công cộng này để sinh hoạt hàng ngày cùng với một số hộ dân.

[2.7] Căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án lập các ngày 12/01/2022, 19/5/2022 và ngày 15/3/2023, theo Mạnh trích đo địa chính số 205-2022 do Công ty TNHH Đ1 vẽ ngày 21/7/2022, được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B duyệt ngày 28/7/2022; Bản vẽ định chính tên chủ sử dụng đất, công trình kiến trúc dựa trên nền bản vẽ gốc ngày 18/4/2023, thì hiện trạng phần đất tranh chấp có 01 bức tường lưới B40, xây gạch cao 55cm, dài 24m, chiều cao lưới B40 1m45, có 07 cây cột sạn xi măng, phía dưới có 01 đường ống nước ($\varnothing$ 34), chiều dài hết thửa đất tranh chấp. Vị trí đặt đường ống ($\varnothing$ 34): vị trí (1), phía cuối thửa đất tranh chấp cách ranh xác định (bức tường) của nguyên đơn là 0,33m, vị trí (2), từ mé đường ống nước đường đan vào bức tường là 0,15m và vị trí (3), từ mé đường ống nước đường đan vào bức tường là 0,47m. Đồng thời, theo vị trí tranh chấp khu (F) có diện tích đo đạc thực tế là 4.2m², loại đất GDC, thuộc một phần thửa đất 520 và vị trí khu (H), có diện tích đo đạc thực tế là 2m², loại đất ONT, thuộc một phần thửa đất 521, tờ bản đồ số 13 và vị trí khu (D), có diện tích đo đạc thực tế là 10.6m², loại đất ONT, thuộc một phần thửa đất số 519, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng đất của bà Phan Thị N, anh Nguyễn Trọng N1. Phía nguyên đơn không có sử dụng phần diện tích đang tranh chấp nêu trên. Đồng thời, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thì người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định không có yêu cầu phản tố để buộc nguyên đơn tháo dỡ hay di dời đường ống nước $\varnothing$ 34 mà nguyên đơn đã đặt và đang sử dụng cùng với một số hộ dân và cam kết sau này nếu hộ bà N sử dụng đất mà có ảnh hưởng đến đường ống nước do gia đình bà S đặt phía dưới lòng đất hoặc sau này bà N có chuyển nhượng cho bất kỳ người khác, thì sẽ chịu

trách nhiệm với hành vi gây thiệt hại xảy ra có liên quan đến đường ống nước do bà S đã đặt theo hiện trạng đã được Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ nêu trên. Hiện tại, bà N đã xây dựng bức tường có 01 phần tại vị trí khu (K) lấn chiếm công cộng, thì khi nào UBND xã L yêu cầu bà N phá bỏ phần lấn chiếm, bà N sẽ chấp hành.

[3] Từ những nhận định trên xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị S thuộc đối tượng được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 05/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 165, Điều 228 Điều 266, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 99, Điều 166, Điều 170, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S về việc buộc bị đơn Phan Thị N phá dỡ bức tường và trả lại cho bà Nguyễn Thị S, anh Văn Ngọc S1, chị Văn Thị Kim C1, chị Văn Thị Bích V, chị Văn Thị Ngọc L1 phần đất lấn chiếm được thể hiện tại vị trí khu (F), có diện tích đo đạc thực tế là 4.2m², loại đất GDC, thuộc một phần thửa đất 520, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An do chị Đặng Thị Hồng T1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện B cấp ngày 07/12/2020 và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B chỉnh lý biến động sang tên bà Phan Thị N ngày 04/01/2021.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S về việc buộc bị đơn Phan Thị N phá dỡ bức tường và trả lại cho bà Nguyễn Thị S, anh Văn Ngọc S1, chị Văn Thị Kim C1, chị Văn Thị Bích V, chị Văn Thị Ngọc L1 phần đất lấn chiếm được thể hiện tại vị trí và vị trí Khu (H), có diện tích đo đạc thực tế là 02m², loại đất ONT, thuộc một phần thửa đất 521, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An do anh Đặng Phước T2 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện B cấp ngày 07/12/2020 và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B chỉnh lý biến động sang tên bà Phan Thị N ngày 18/02/2021

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S về việc buộc anh Nguyễn Trọng N1 phá dỡ bức tường và trả lại cho bà Nguyễn Thị S, anh Văn Ngọc S1, chị Văn Thị Kim C1, chị Văn Thị Bích V, chị Văn Thị Ngọc L1 phần đất lấn chiếm được thể hiện tại vị trí Khu (D), có diện tích đo đạc thực tế là 10.6m², loại đất ONT, thuộc một phần thửa đất 519, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An do anh Nguyễn Trọng N1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện B cấp ngày 07/12/2020.

(Tất cả vị trí tứ cận diện tích nêu trên theo Mảnh trích đo địa chính số 205-2022 do Công ty TNHH Đ1 vẽ ngày 21/7/2022, được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B duyệt ngày 28/7/2022; Bản vẽ dính chính tên chủ sử dụng đất, công trình kiến trúc dựa trên nền bản vẽ gốc ngày 18/4/2023 dính kèm theo Bản án dân sự sơ thẩm).

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu hủy 01 phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 887124 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Phan Thị N ngày 07/12/2020 thuộc 01 phần thửa đất số 51, tờ bản đồ số 13 (thửa mới số 521, tờ bản đồ số 13).

5. Về chi phí đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ tổng cộng là 18.100.000 đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị S phải chịu (đã nộp xong).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S thuộc trường hợp miễn án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho anh Văn Ngọc S1 số tiền 300.000 đồng Theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0009484; bà Văn Thị Kim C1 số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0009485; chị Văn Thị Ngọc L1 số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0009486; bà Văn Thị Bích V số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009487 cùng ngày 16/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị S được miễn án phí.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7,

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP . HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Cẩm Hồng